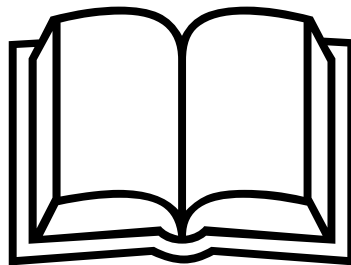


TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN
TỔ TỰ NHIÊN

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN



Năm học: 2023-2024

TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN

TỔ: TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Năm học 2023 - 2024

I. KẾ HOẠCH DẠY HỌC:

A. KHỐI LỚP 6

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 138/63; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: Không

Trong đó HS khuyết tật- hoà nhập: 01 (HS khuyết tật nhìn, khác mức độ nặng).

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 11 (HĐ1); Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 10; Trên đại học: 1

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 10; Khá: 0; Đạt: 0 Chưa đạt: 0

A. 1. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (có file đính kèm).

A. 2. MÔN TOÁN (Có file đính kèm)

A. 3. MÔN TIN (Có file đính kèm)

A. 4. MÔN CÔNG NGHỆ (Có file đính kèm)

B. KHỐI 7

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 105/54; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: Không

Trong đó HS khuyết tật- hoà nhập: 01(HS khuyết tật trí tuệ, khác mức độ nặng).

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 11 (**HĐ 1**); **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 10; Trên đại học: 01

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 10; Khá: 0; Đạt: 0 Chưa đạt: 0

B. 1. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (có file đính kèm).

B. 2. MÔN TOÁN (Có file đính kèm)

B. 3. MÔN TIN (Có file đính kèm)

B. 4. MÔN CÔNG NGHỆ (Có file đính kèm)

C. KHỐI LỚP 8

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 02; **Số học sinh:** 79/35; **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:** Không

Trong đó HS khuyết tật- hoà nhập: 0

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 11 (**HĐ 1**); **Trình độ đào tạo:** Cao đẳng: 0; Đại học: 10; Trên đại học: 1.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 10; Khá: 0; Đạt: 0 Chưa đạt: 0

C. 1. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN (có file đính kèm).

C. 2. MÔN TOÁN (Có file đính kèm)

C. 3. MÔN TIN (Có file đính kèm)

C. 4. MÔN CÔNG NGHỆ (Có file đính kèm)

D. KHỐI LỚP 9

1. Đặc điểm tình hình:

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 95/50; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn: Không

Trong đó HS khuyết tật- hoà nhập: 01 (kt trí tuệ, khác mức độ nặng)

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 11 (HD 1); Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 10; Trên đại học: 1

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 10; Khá: 0; Đạt: 0 Chưa đạt: 0

D. 1. MÔN LÝ (có file đính kèm).

D. 2. MÔN HOÁ (Có file đính kèm)

D. 3. MÔN SINH (Có file đính kèm)

D. 4. MÔN TOÁN (Có file đính kèm)

D. 5. MÔN CÔNG NGHỆ (Có file đính kèm)

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ BỘ MÔN

1. Khối lớp: 6; số học sinh 138/63

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Hoạt động trải nghiệm: Tính chu vi và diện tích phòng học	- Đo được kích thước trong phòng - Vận dụng được các công thức tính chu vi và diện tích của hình chữ	2	Tuần 11 hoặc tuần 12	Phòng học	GV bộ môn	Phòng thiết bị	- Giấy a4, bút dạ - Máy tính CT - Dụng cụ đo

		nhật để tính chu vi và diện tích phòng học						
2	Hoạt động trải nghiệm: Đo chiều dài	Đo được kích thước chiều dài, rộng, cao, đường kính trong, đường kính ngoài	02	Cuối tháng 10	Ngoài sân trường	Giáo viên	Cán bộ phòng thiết bị	Giấy A ₄ Bút dạ Các loại thước đo chiều dài
3	Sinh hoạt tập thể	HS tìm hiểu kiến thức về Lí – Hóa - Sinh	3	Tuần 15	Hội trường	Giáo viên bộ môn KHTN 6	GVCN HS	- Máy chiếu - Bảng phụ

2. Khối lớp: 7; số học sinh 105/54

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	Hoạt động trải nghiệm: Vườn rau xanh	– Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến trong gia đình. – Thực hiện được một số công việc trong quy trình trồng và chăm sóc một loại cây trồng phổ biến.	03	Tuần 11+12+13	Vườn rau nhà trường hoặc vườn rau địa phương	GVBM	GVCN, TPT	- Giấy A4, A0, bút, ... để ghi chép, báo cáo. - Các loại rau: Giâm cành: Rau lang, rau muống, rau húng quế... - Gieo hạt: Xà lách, Cải ngọt, Ngò....

		– Tích cực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, có ý thức về an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong trồng trọt.						- Dụng cụ lao động: Cuốc, dao, kéo, bình tưới, găng tay.... - Phân bón: Phân hoá học, phân chuồng hoai.
2	Nguyên tử, Nguyên tố hóa học <i>(Dự án truyền tranh nguyên tố)</i>	- Trình bày được mô hình nguyên tử của Rutherford - Bohr (mô hình sắp xếp electron trong các lớp vỏ nguyên tử). - Nêu được khối lượng của một nguyên tử theo đơn vị quốc tế amu (đơn vị khối lượng nguyên tử). - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hoá học và kí hiệu nguyên tố hoá học. - Viết được công thức hoá học và đọc được tên của 20 nguyên tố đầu tiên. - Thiết kế sản phẩm. - Hoàn thiện sản phẩm và nội dung báo cáo, trình bày. - Báo cáo dự án.	1	Sau bài 3	Phòng bộ môn	GV Bộ môn	GVCN	HS đã nắm được kiến thức bài 2, 3.

3. Khối lớp: 8; số học sinh 79/35.

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	CHƯƠNG 7. SINH HỌC CƠ THỂ NGƯỜI Bài 33. Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người <i>(Dự án điều tra một số bệnh liên quan đến máu và hệ tuần hoàn, phong trào hiến máu nhân đạo tại địa phương)</i>	Nêu được chức năng của máu, nêu tên các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần. -Nêu được khái niệm nhóm máu, phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn -Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể, vai trò của vacxin trong phòng bệnh, trình bày cơ chế miễn dịch... -Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống, vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình -Kể tên các cơ quan của hệ tuần hoàn, nêu được chức năng của mỗi cơ quan -Thực hiện được tình huống giải định cấp cứu bị chảy máu, tai biến, đột quỵ...	4	Tuần 25	Điều tra tại địa phương	Phân môn sinh học	Các GV của các bộ môn khác trong tổ tự nhiên	Địa điểm thực hiện điều tra gần trường - Phiếu khảo sát/ sổ ghi thông tin. - Điện thoại thực hiện phỏng vấn/ chụp hình - phần mềm trình chiếu/ báo cáo kết quả thực hiện - Link nộp sản phẩm - Bảng điểm/ thang đánh giá

		-Thực hiện dự án điều tra một số bệnh liên quan đến máu và phòng trào hiến máu nhân đạo tại địa phương						
2	Câu lạc bộ em yêu Hóa học	Pha được dung dịch theo nồng độ cho trước	2	Tháng 11	Phòng bộ môn	Giáo viên bộ môn KHTN (Hóa học)	Cán bộ thiết bị	- Dụng cụ và hóa chất theo yêu cầu trong kế hoạch

4. Khối lớp: 9; số học sinh 95/50.

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1	STEM	- Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện các sản phẩm STEM - Ứng dụng được các sản phẩm vào học tập, đời sống..	8	Tuần 20	Hội trường	- Tổ tự nhiên - Nhóm toán - chiệu trách nhiệm chính	- Chuyên môn: chỉ đạo - Các tổ chuyên môn khác: phối hợp thực hiện. - TPT, Đoàn TN: phối hợp thực hiện. -Thiết bị, thư viện: phối hợp	- Máy chiếu, âm thanh, hội trường, - chuẩn bị và trang trí. - không gian trưng bày, - BGK thẩm định đánh giá sản phẩm

5. Khối lớp: 6, 7, 8, 9; Số học sinh:

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
<i>STT</i>	<i>Chủ đề (1)</i>	<i>Yêu cầu cần đạt (2)</i>	<i>Số tiết (3)</i>	<i>Thời điểm (4)</i>	<i>Địa điểm (5)</i>	<i>Chủ trì (6)</i>	<i>Phối hợp (7)</i>	<i>Điều kiện thực hiện (8)</i>
1	Hội khỏe phù đồng cấp trường	- Tạo được mối liên hệ và đoàn kết giữa các lớp với nhau. - Vui khỏe, đảm bảo an toàn và đạt thành tích cao.	10	Tháng 9,10	Sân trường	Phan Văn Quang	Lê Thị Hồng Đẹp + TPT+ BGH + GVCN các lớp	Âm thanh; nhạc nền; đồng phục thể dục.

III. Các nội dung khác: (BD HSG, HSNK; Kiểm tra nội bộ; phụ đạo HS yếu; HS Khuyết tật; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; làm đồ dùng dạy học; báo cáo chuyên đề)

1. Xây dựng tư tưởng, đạo đức tác phong của giáo viên trong tổ

a) Chỉ tiêu

- 100% giáo viên của tổ thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành giáo dục.
- 100% giáo viên của tổ có phẩm chất đạo đức tốt, không vi phạm đạo đức nhà giáo, không có biểu hiện tiêu cực trong thi cử, kiểm tra, đánh giá.
- Chấp hành nghiêm nội qui, qui chế, qui định của cơ quan đơn vị.

b) Biện pháp thực hiện

- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.
- Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chính trị.
- Gương mẫu trong công tác, đoàn kết với đồng nghiệp, gần gũi với học sinh.
- Duy trì kỷ cương, nề nếp trong nhà trường. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ.
- Thực hiện kiểm tra nội bộ đúng kế hoạch.

2. Giữ vững và nâng cao chất lượng, hạn chế học sinh bỏ học, đảm bảo công tác phổ cập giáo dục THCS

a) Chỉ tiêu

- Các lớp chủ nhiệm không có học sinh bỏ học.
- Tỷ lệ chuyên cần 100 %.
- Hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch nhà trường.
- Tất cả giáo viên đều phải tham gia công tác phổ cập

b) Biện pháp thực hiện

- Tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức tự học cho sinh.
- Phối hợp cha mẹ học sinh, GVCN trong việc giáo dục học sinh.

- Nâng cao chất lượng dạy học phù hợp với năng lực trình độ học sinh, phương pháp dạy học đổi mới tạo hứng thú cho học sinh, ôn tập phụ đạo cho học sinh yếu kém.
- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, phân luồng đối tượng.
- Thường xuyên quan tâm, động viên, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn.
- Thực hiện tốt kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật.
- Tổ chức các lớp phụ đạo cho học sinh yếu theo kế hoạch của nhà trường.
- GVBM theo dõi, lập danh sách cử đi học cho nhà trường vào mỗi đợt phụ đạo.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh giáo dục học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu

3.1. Về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

a) Các chỉ tiêu

- Danh hiệu thi đua của tổ và chất lượng bộ môn (phụ lục kèm theo).
- Thực hiện đầy đủ chương trình, không cắt xét, bỏ nội dung dạy học.
- Có Kế hoạch dạy học chi tiết theo từng khối lớp (theo định hướng đổi mới) được lãnh đạo nhà trường phê duyệt.
- Chất lượng bộ môn: đạt theo chỉ tiêu của trường, đăng kí chất lượng các bộ môn như sau:

*** Chất lượng các bộ môn:**

- + Môn Giáo dục thể chất: tất cả các khối 100% loại đạt.
- + Các môn còn lại cụ thể như sau:

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: KHTN 6
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6/1	46	14	30,43%	14	30,43%	17	36,96%	1	2,18%	45	97,82%
6/2	46	12	26,09%	14	30,43%	19	41,3%	1	2,18%	45	97,82%
6/3	46	12	26,09%	14	30,43%	19	41,3%	1	2,18%	45	97,82%
Tổng	138	38	27,54%	42	30,43%	55	39,86%	3	2,17%	135	97,83%

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: KHTN 7
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
7/1	36	11	30.56%	14	38,89%	9	25.00%	2	5.55%	34	94.45
7/2	35	11	31.43%	14	40.00%	9	25.71%	1	2.86%	34	97,14
7/3	34	9	26.47%	14	41.18%	9	26,47%	2	5.88%	32	94,12
Tổng	105	31	29.5	42	40	27	25.7	5	4,8	100	95.2

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: KHTN 8
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
8/1	39	10	25,6	16	41,1	11	28,2	2	5,1	37	94,9
8/2	40	11	27,5	15	37,5	11	27,5	3	7,5	37	92,5
Tổng	79	21	26,6	31	39,3	22	27,8	5	6,3	74	93,7

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: KHTN 6, 7, 8.
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Khối	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6	138	38	27,54%	42	30,43%	55	39,86%	3	2,17%	135	97,83%
7	105	31	29,5	42	40	27	25,7	5	4,8	100	95,2
8	79	21	26,6	31	39,3	22	27,8	5	6,3	74	93,7
Tổng	322	90	28	115	35,7	104	32,3	13	4	309	96

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: VẬT LÝ 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
9/1	33	8	24,2	12	36,4	12	36,4	1	3	32	97
9/2	30	8	26,7	10	33,3	11	36,7	1	3,3	29	96,7
9/3	32	9	28,1	13	40,6	9	28,1	1	3,2	31	96,8
Tổng	95	25	26,3	35	36,8	32	33,7	3	3,2	92	96,8

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: HOÁ 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
9/1	33	10	30.30%	14	42.42%	9	27.28%	0	0.00%	33	100
9/2	30	10	33.33%	12	40.00%	8	26.67%	0	0.00%	30	100
9/3	32	10	31.25%	13	40.63%	9	28,12%	0	0.00%	32	100
Tổng	95	30	31,6	39	41,1	26	27,3	0	0	95	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: SINH 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
9/1	33	10	30,3	13	39,4	10	30,3	0	0	33	100
9/2	30	9	30	13	43,3	8	26,7	0	0	30	100
9/3	32	10	31,3	12	37,4	10	31,3	0	0	32	100
Tổng	95	29	30,5	38	40	28	29,5	0	0	95	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TOÁN 6
NĂM HỌC: 2023 – 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6/1	46	12	26,1	16	34,8	14	30,4	4	8,7	42	91,3
6/2	46	12	26,1	16	34,8	14	30,4	4	8,7	42	91,3
6/3	46	12	26,1	16	34,8	14	30,4	4	8,7	42	91,3
Tổng	138	36	26,1	48	34,8	42	30,4	12	8,7	126	91,3

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TOÁN 7
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
7/1	36	11	30.56%	14	38,89%	9	25.00%	2	5.55%	34	94.45
7/2	35	11	31.43%	14	40.00%	9	25.71%	1	2.86%	34	97,14
7/3	34	9	26.47%	14	41.18%	9	26,47%	2	5.88%	32	94,12
Tổng	105	31	29.5	42	40	27	25.7	5	4,8	100	95.2

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TOÁN 8
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
8/1	39	10	25,6	16	41,1	11	28,2	2	5,1	37	94,9
8/2	40	11	27,5	15	37,5	11	27,5	3	7,5	37	92,5
Tổng	79	21	26,6	31	39,3	22	27,8	5	6,3	74	93,7

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TOÁN 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
9/1	33	10	30,30	13	39,4	10	30,30	0	0	33	100
9/2	30	9	30	13	43,3	8	26,7	0	0	30	100
9/3	32	10	31,3	12	37,4	10	31,3	0	0	32	100
Tổng	95	29	30,5	38	40	28	29,5	0	0	95	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TOÁN
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Khối	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6	138	36	26,1	48	34,8	42	30,4	12	8,7	126	91,3
7	105	31	29,5	42	40	27	25,7	5	4,8	100	95,2
8	79	21	26,6	31	39,3	22	27,8	5	6,3	74	93,7
9	95	29	30,5	38	40	28	29,5	0	0	95	100
Tổng	417	117	28,1	159	38,1	119	28,5	22	5,3	395	94,7

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TIN 6
NĂM HỌC: 2023 – 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6/1	46	15	32.6	20	43.5	11	23.9	0	0	46	100
6/2	46	15	32.6	20	43.5	11	23.9	0	0	46	100
6/3	46	15	32.6	20	43.5	11	23.9	0	0	46	100
Tổng	138	45	32.6	60	43.5	33	23.9	0	0	138	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TIN 7
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
7/1	36	12	33.3	13	36.1	11	30.3	0	0	36	100
7/2	35	11	31.4	12	34.3	12	34.3	0	0	35	100
7/3	34	10	29.4	11	32.3	13	38.3	0	0	34	100
Tổng	105	33	31.4	36	34.3	36	34.3	0	0	105	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TIN 8
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
8/1	39	13	33.3	15	38.4	11	28.2	0	0	39	100
8/2	40	14	35.0	16	40.0	10	25.0	0	0	40	100
Tổng	79	27	34.2	31	39.2	21	26.6	0	0	79	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: TIN
NĂM HỌC: 2023 – 2024

Khối	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6	138	45	32.6	60	43.5	33	23.9	0	0	138	100
7	105	33	31.4	36	34.3	36	34.3	0	0	105	100
8	79	27	34.2	31	39.2	21	26.6	0	0	79	100
Tổng	322	105	32,6	127	39,4	90	28	0	0	322	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ 6
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6/1	46	15	32,61%	20	43,48%	11	23,91%	0	0	46	100%
6/2	46	15	32,61%	19	41,3%	12	26,09%	0	0	46	100%
6/3	46	15	32,61%	19	41,3%	12	26,09%	0	0	46	100%
Tổng	138	45	32,61%	58	42,03%	35	25,36%	0	0	139	100%

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ 7
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
7/1	36	10	27.8	12	33.3	11	30.6	3	8.3	33	91.7
7/2	35	10	28.6	12	34.3	12	34.3	1	2.9	34	97.1
7/3	34	10	29.4	12	35.3	11	32.4	1	2.9	33	97.1
Tổng	105	30	28.6	36	34.3	34	32.4	5	4.8	100	95.2

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ 8
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
8/1	39	11	28,2%	13	33,33%	15	38,47%	0	0%	39	100%
8/2	40	12	30%	14	35%	14	35%	0	0%	40	100%
Tổng	79	23	29,1%	27	34,18%	29	36,72%	0	0%	79	100%

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ 9
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Lớp	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
9/1	33	14	42.4	12	36.4	7	21.2	0	0	33	100
9/2	30	12	40	11	36.7	7	23.3	0	0	30	100
9/3	32	12	37.5	10	31.3	10	31.3	0	0	32	100
Tổng	95	38	40	33	34.7	24	25.3	0	0	95	100

CHẤT LƯỢNG BỘ MÔN: CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC: 2023 - 2024

Khối	Sl	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		≥ Đạt	
		Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	Tl %	Sl	TL %
6	138	45	32,61%	58	42,03%	35	25,36%	0	0	138	100%
7	105	30	28.6	36	34.3	34	32.4	5	4.8	100	95.2
8	79	23	29,1%	27	34,18%	29	36,72%	0	0%	79	100%
9	95	38	40	33	34.7	24	25.3	0	0	95	100
Tổng	417	136	32,6	154	36,9	122	29,3	5	1,2	412	98,8

* Chất lượng giáo dục của các lớp có giáo viên trong tổ chủ nhiệm:

+ Lớp 6/1: Cô Lê Nguyễn Thuỳ Ngân.

Mặt hoạt động	Sl	Nữ	Tốt		khá		Đạt		Chưa đạt		≥Đạt	
			sl	tl	sl	tl	sl	tl	sl	tl	sl	tl
Hạnh kiểm	46	21	40	86,96	4	8,7	2	4,34	0	0	46	100
Học lực	46		10	21,74	14	30,43	20	43,48	2	4,35	44	95,65

+ Lớp 7/2: Cô Cao Thị Hiền.

Mặt hoạt động	Sl	Nữ	Tốt		khá		Đạt		Chưa đạt		≥Đạt	
			sl	tl	sl	tl	sl	tl	sl	tl	sl	tl
Hạnh kiểm	35	19	33	94,3	2	5,7	0	0	0	0	35	100
Học lực	35		11	31,4	12	34,3	12	34,3	0	0	35	100

+ Lớp 7/3: Cô Lưu Thị Bích Hoàng.

Mặt hoạt động	SL/nữ	Tốt		khá		Đạt		Chưa đạt		≥Đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Rèn Luyện	34/17	32	94.1	2	5.9	0	0	0	0	34	
Học lực	34/17	10	29.4	11	32.3	13	38.3	0	0	34	100

+ Lớp 8/2: Thầy Nguyễn Thế Khiêm.

Mặt hoạt động	số lượng	Nữ	Tốt		khá		Đạt		Chưa đạt		≥Đạt	
			sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %
Hành kiểm	40	17	36	90%	3	8%	1	2%	0	0	40	100%
Học lực	40		8	20%	13	33%	18	45%	1	2%	39	98%

+ Lớp 9/1: Cô Nguyễn Thị Kim Ánh.

Mặt hoạt động	số lượng	Nữ	Giỏi		khá		Trung bình		yếu		≥ TB	
			sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %	sl	tl %
Hành kiểm	33	21	30	90,91	3	9,09	0	0	0	0	33	100
học lực	33		10	30,30	15	45,45	8	24,24	0	0	33	100

b) Biện pháp thực hiện

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, đúng tiến độ, đúng mức độ yêu cầu chương trình và kế hoạch giáo dục.
- KH giảng dạy đầy đủ trước khi lên lớp, soạn theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, phù hợp các đối tượng học sinh và phải được phê duyệt, ký số (trừ GV hợp đồng sẽ phê duyệt riêng)
- Đổi mới phương pháp dạy học, Tổ chuyên môn tổ chức tăng cường dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo trong học tập của học sinh, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá theo hướng vận dụng và liên hệ thực tế.

- Vận dụng tốt các phương pháp dạy học vào các đối tượng khác nhau. Tăng cường rèn luyện kỹ năng cho học sinh, bám sát đối tượng học sinh yếu.
- Chú trọng đối tượng học sinh khuyết tật, thực hiện các nội dung dạy học và kiểm tra phù hợp với từng học sinh.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy một cách hiệu quả, chú ý tích hợp liên môn, bảo vệ môi trường.

3.2. Về bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu

3.2.1: Về bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường, ngay từ đầu năm học, tổ đã thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp thị xã các môn thuộc 4 khối 6,7,8,9 (Riêng khối 9 thực hiện từ tháng 6 trong hè). Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng và có kế hoạch cụ thể.

a.) Các chỉ tiêu:

- Tổ chuyên môn hướng dẫn ít nhất 01 (nhóm) học sinh thực hiện, tham gia đầy đủ các Hội thi, hoạt động chuyên môn, học sinh nghiên cứu khoa học ...

Phân đầu mỗi môn học đều có giải trong hội thi HSG cấp Thị xã, trong đó ít nhất có 1 giải toàn đoàn.

* Chỉ tiêu cụ thể:

- Khối lớp 9:

+ Đối với bộ môn: Toán, lý, hoá, sinh, tin: Cá nhân: Có từ 1 đến 3 HS đạt giải cấp thị xã từ Khuyến khích trở lên. Có từ 1 đến 2 HS đạt giải cấp tỉnh.

* Khối lớp 8: + Đối với bộ môn: Toán, lý, hoá, sinh, tin: Cá nhân: Có từ 1 đến 3 HS đạt giải cấp thị xã từ Khuyến khích trở lên.

* Khối lớp 6, 7: + Đối với bộ môn Toán: Cá nhân: Có từ 1 đến 2 HS đạt giải cấp thị xã từ Khuyến khích trở lên.

b) Biện pháp:

* Đối với tổ chuyên môn:

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.
- Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các học sinh tham gia học bồi dưỡng và dự thi.

* Đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Tổ chức chọn, phát hiện học sinh có năng khiếu
- Lập danh sách đội tuyển theo các môn.
- Thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã phân công.
- Tăng cường số buổi bồi dưỡng thêm cho đội tuyển.
- Xây dựng chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi (bộ môn, hội thi)
- Soạn giáo án bồi dưỡng, giáo án được kiểm tra vào thứ 7 hàng tuần. Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao nhất.
- Hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, Cuộc thi vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn.

* Thời gian thực hiện:

- Dạy theo lịch của nhà trường.
- Thời gian: Bắt đầu bồi dưỡng từ 5/9/2023 đến khi học sinh đi dự thi cấp thị xã (Riêng khối 9 bắt đầu từ 10/6).

* Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 6:

STT	Môn	Khối lớp	GV phụ trách	Ghi chú
1	Toán	6	Nguyễn Thị Kim Ánh	Thời gian bồi dưỡng: Ít nhất 1 buổi/môn/tuần

* Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 7:

STT	Môn	Khối lớp	GV phụ trách	Ghi chú
1	Toán	7	Cao Thị Hiền	Thời gian bồi dưỡng: Ít nhất 1 buổi/môn/tuần

* Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 8:

STT	Môn	Khối lớp	GV phụ trách	Ghi chú
1	Toán	8	Nguyễn Thế Khiêm	Thời gian bồi dưỡng: Ít nhất 2 buổi/môn/tuần
2	Lý	8	Lê Thị Thuỳ Ngân	
3	Hoá	8	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	
4	Sinh	8	Lê Thị Hồng Đẹp	
5	Tin	8	Lưu Thị Bích Hoàng	

* Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 9:

STT	Môn	Khối lớp	GV phụ trách	Ghi chú
1	Toán	9	Nguyễn Thị Kim Ánh	Thời gian bồi dưỡng: Ít nhất 3 buổi/môn/tuần
2	Lý	9	Huỳnh Thị Chân Thi	
3	Hoá	9	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	
4	Sinh		Lê Thị Hồng Đẹp	
5	Tin		Lưu Thị Bích Hoàng	

3.2.2: về bồi dưỡng học sinh năng khiếu.

- Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường và kế hoạch hội khoẻ phù đồng của thị xã ngay từ đầu năm học, tổ đã thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi cấp thị xã gồm 11 nội dung thuộc 2 nhóm thi đấu: nhóm khối 6-7 và nhóm khối 8-9. Khối 6,7,8,9 (Riêng khối 9 thực hiện từ tháng 6 trong hè). Phân công giáo viên có năng lực, kinh nghiệm phụ trách công tác bồi dưỡng và có kế hoạch cụ thể.

a.) Chỉ tiêu:

- Tham gia tất cả các nội dung thi đấu.
- Có giải cá nhân cấp thị xã từ KK trở lên và có học sinh dự thi tỉnh
- Có giải đồng đội một số nội dung, vị thứ 11 toàn đoàn hội khoẻ phù đồng.

b.) Biện pháp:

* Đối với tổ chuyên môn:

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng chương trình bồi dưỡng từng bộ môn của tổ và theo dõi tiến độ chương trình bồi dưỡng.
- Theo dõi chất lượng các lớp bồi dưỡng nhằm đảm bảo chất lượng đội tuyển, đánh giá đề xuất lựa chọn, bổ sung học sinh.
- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các học sinh tham gia học bồi dưỡng và dự thi.

* Đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh năng khiếu TDTT:

- Nhóm Thể dục lên kế hoạch thực hiện HKPD cấp trường và tổ chức thi đấu chọn học sinh tham gia HKPD cấp thị xã.
- Lên kế hoạch tập luyện và thi đấu do PGD thị xã tổ chức từ tháng 8 – 2022 đến tháng 05- 2023.
- Lập danh sách đội tuyển theo các nội dung thi đấu.
- Thực hiện đúng theo thời khóa biểu đã phân công.
- Tăng cường số buổi bồi dưỡng thêm cho đội tuyển.
- Xây dựng chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi (bộ môn, hội thi)
- Soạn giáo án bồi dưỡng, giáo án được kiểm tra vào thứ 7 hàng tuần. Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp bồi dưỡng tốt nhất để bồi dưỡng học sinh giỏi đạt kết quả cao nhất.

* Bảng phân công giáo viên tham gia bồi dưỡng học sinh năng khiếu:

STT	Nội dung	Khối lớp	GV phụ trách	Ghi chú
1	11 nội dung	6, 7, 8, 9	Phan Văn Quang	Thời gian ít nhất là 3 buổi/nội dung/môn

3.3. Về phụ đạo học sinh yếu

a.) Các chỉ tiêu

- Kiểm tra, rà soát, phát hiện sớm tất cả học sinh yếu không theo kịp chương trình.
- Không để học sinh diện yếu, kém phải bỏ học và không được phụ đạo, hướng dẫn giúp đỡ.

b.) Biện pháp thực hiện

- Xây dựng nội dung dạy phụ đạo học sinh yếu trong mỗi tiết học.
- Tăng cường kiểm tra theo dõi chuyên cần.
- Phối hợp cha mẹ học sinh, GVCN trong giáo dục học sinh.
- Phân luồng các đối tượng trong từng lớp, kịp thời giúp đỡ các em và thường xuyên giữ mối liên hệ với GVCN để nắm bắt thông tin đồng thời báo cáo với nhà trường để định hướng kế hoạch sau mỗi kỳ.

4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên

a.) Các chỉ tiêu

- 100% giáo viên nghiên cứu nội dung, chương trình, sách giáo khoa, nắm vững chuẩn kiến thức kỹ năng theo quy định của Bộ

GDĐT. - Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, thao giảng và thi giáo viên dạy giỏi.

- Tổ trưởng tăng cường dự giờ giáo viên trong tổ chuyên môn ; mỗi giáo viên thực hiện bài giảng có ứng dụng CNTT thường xuyên, dự giờ đồng nghiệp ít nhất 9 tiết/năm.
- Tham gia dự thi GV dạy giỏi cấp trường, cấp Thị xã, cấp tỉnh: Có 100% GV trong tổ đạt giáo viên dạy giỏi từ cấp trường, có ít nhất 02 giáo viên tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp Thị xã; không có giáo viên xếp loại yếu theo quy định về tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.
- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Thực hiện Bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch.

b) Biện pháp thực hiện

- Tổ CM phải có ít nhất 01 chuyên đề dạy học theo NCBH

- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên đề do nhà trường và cấp trên tổ chức

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thao giảng của tổ. Thường xuyên tổ chức thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm các giáo viên.

- TTCM kiểm tra hồ sơ giáo viên, kiểm tra theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường.

- Đảm bảo sinh hoạt tổ chuyên môn 02 lần/tháng. Tập trung thảo luận những nội dung phức tạp trong chuyên môn để đưa ra giải pháp hợp lý.

- Tham gia các Hội thi cấp trường và cấp Thị xã.

- Tích cực và có ý thức trong công tác tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn

- Nghiên cứu nội dung chương trình để dạy học theo hướng nghiên cứu bài học.

- Có kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển năng lực và xây dựng giáo án tích hợp.

5. Nâng cao thành tích các hội thi.

a) Các chỉ tiêu: đạt giải KK cấp thị xã trở lên.

b) Biện pháp thực hiện

- Tổ tạo mọi điều kiện để giáo viên trong tổ và học sinh tham gia đầy đủ các hội thi trong khả năng của nhà trường có thể.

- Tạo điều kiện về thời gian và động viên giáo viên và học sinh tích cực học tập để thu được kết quả cao trong các kì thi, hội thi.

- Sẵn sàng tinh thần hỗ trợ, sẻ chia trong công tác tham gia các cuộc thi.

6. Đổi mới hoạt động tổ chuyên môn, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá phân loại đội ngũ giáo viên.

a) Các chỉ tiêu

- 100% giáo viên trong tổ biết soạn giáo án áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, khai thác mạng internet phục vụ dạy học. Có 100 % ở mức thành thạo.
- 100% giáo viên có kỹ năng ứng dụng phần mềm quản lý và đánh giá kết quả học sinh.
- 100% giáo viên đưa KHBĐ đúng, đủ, đảm bảo thời gian lên vn.edu và phải ký số, phê duyệt.
- Triển khai các chuyên đề trong năm học như sau:
 - Mỗi học kì thực hiện 1 chuyên đề:
 - + Chuyên đề 1: tăng hứng thú học tập môn KHTN cho học sinh thông qua một số trò chơi. Nhóm bộ môn KHTN _TD đảm nhận và thực hiện.
 - + Chuyên đề 2: Dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Nhóm bộ môn Toán_Tin thực hiện và tập trung môn KHTN lớp 8.
- Dự giờ rút kinh nghiệm ít nhất 9 tiết/gv/năm học
- Kiểm tra tiến độ ghi điểm: 02 lần/học kỳ.

b.) Các biện pháp thực hiện

- Phát huy quyền làm chủ, tính tự giác và chủ động của cán bộ giáo viên trong mọi mặt hoạt động.
- Tổ trưởng lập kế hoạch kiểm tra cấp tổ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm sau kiểm tra.
- Tổ chức kiểm tra và đánh giá, xếp loại học sinh phải lấy chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình làm cơ sở, đảm bảo khách quan thống nhất.
- Các bài kiểm tra định kỳ, các giáo viên ra đề phải có đáp án, ma trận đề nộp cho Ban Giám hiệu trước ngày kiểm tra 1 tuần.

7. Hoạt động ngoài giờ lên lớp khối 9 và trải nghiệm – hướng nghiệp khối 6, 7, 8.

a) Các chỉ tiêu

- Tham gia tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Phối hợp với các bộ phận khác để có buổi sinh hoạt ngoài giờ lên lớp hiệu quả.
- Thực hiện tốt các tiết NGLL K9 và Môn Trải nghiệm HN K 6, 7, 8 đối với GVCN
- Tổ CM là tháng 10 với chương trình sinh hoạt ngoại khoá kỉ niệm 67 năm ngày thành lập hội thanh niên việt nam (15/10/1956), 59 năm ngày anh trở về hy sinh (15/10/1964) và 55 năm ngày Bác hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành giáo dục (15/10/1968) với chương trình chính là rung chuông vàng (có phụ lục kèm theo) và tổ chức Hội khỏe phù đồng cấp trường nhằm tạo được mối liên hệ và đoàn kết giữa các lớp với nhau, vui khỏe, đảm bảo an toàn và đạt thành tích cao (có phụ lục kèm theo).

b) Biện pháp thực hiện

- Nghiên cứu các câu hỏi chuyên đề phù hợp với nội dung chuyên đề. Xây dựng nếp sống văn hóa, củng cố kỷ cương nề nếp, thực hiện giáo dục kỷ luật tích cực hiệu quả, tham gia đầy đủ các buổi tham quan, học tập các di sản văn hóa nếu có điều kiện.
- Thực hiện các buổi ngoại khóa, tuyên truyền...

- Thực hiện các tiết NGLL, hoạt động trải nghiệm theo KH chung.
- Phối kết hợp với ban HĐNGLL của trường và các ban ngành đoàn thể trong nhà trường.

8. Giáo dục học sinh khuyết tật hoà nhập.

a.) Chỉ tiêu

- 100% học sinh khuyết tật (HSKT) đi học đầy đủ, hoà nhập với học sinh trong lớp để học tập và đủ điều kiện để lên lớp.

b.) Biện pháp

- Đối với Tổ chuyên môn:

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời việc thực hiện kế hoạch giáo dục HSKT của giáo viên thông qua hồ sơ giáo dục HSKT thiết lập cho từng em.

+ Có biện pháp khuyến khích, động viên giáo viên và HSKT thực hiện kế hoạch giáo dục nghiêm túc.

- Đối với giáo viên trực tiếp dạy các lớp có HSKT học hòa nhập.

+ Thiết kế, điều chỉnh các hoạt động giáo dục vào từng môn học, từng bài học tạo cơ hội cho HSKT tham gia các hoạt động học tập.

+ Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với học sinh, học sinh với học sinh, học sinh với cộng đồng.

+ Việc đánh giá xếp loại HSKT cần được xem xét theo từng trường hợp cụ thể, không xếp các em vào diện học lực yếu kém, ngồi nhầm lớp.

- Đối với giáo viên chủ nhiệm:

+ Theo dõi HSKT thông qua hồ sơ kế hoạch cá nhân của từng học sinh.

+ Thường xuyên phối hợp với cha mẹ học sinh để nhắc nhở, động viên các em đến trường, đến lớp đều đặn.

9. STEM, làm và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học (ĐDD).

a.) Chỉ tiêu: 100% giáo viên tham gia làm ĐDDH đơn giản để tự phục vụ cho tiết dạy của mình. Tổ xây dựng một thiết bị dạy học số phục vụ cho bài dạy của mình và nộp sản phẩm dự thi cấp Sở (nếu có tổ chức).

- 100% giáo viên sử dụng thiết bị, ĐDDH hiện có.
- Mỗi nhóm bộ môn hướng dẫn học sinh tham gia 1 sản phẩm STEM (nhóm toán).

b.) Biện pháp

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết về tự xây dựng một thiết bị dạy học số và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.
- Lập kế hoạch cá nhân về việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học trong năm học trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt.
- Đăng ký sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học theo mẫu và nộp về bộ phận thư viện - thiết bị đúng thời gian quy định (vào sáng thứ bảy hằng tuần).
- Giao cho các nhóm trưởng tuyển chọn HS, nội dung và có kế hoạch tổ chức làm sản phẩm STEM.

10. Thực hiện kế hoạch xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

- Góp phần tạo sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động về đạo đức, năng lực ứng xử sư phạm của đội ngũ GV và học sinh, hướng tới xây dựng trường học hạnh phúc không chỉ là nơi cung cấp và đáp ứng các nhu cầu giáo dục mà phải là nơi tạo ra hạnh phúc góp phần tạo nên một xã hội hạnh phúc để có thể tăng trưởng và phát triển bền vững.

- Giúp cho GV đang công tác trong tổ có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng trong việc tạo dựng, duy trì nhà trường mà ở đó học sinh, GV được yêu thương, được tôn trọng, được an toàn được hiểu và được có giá trị; nói rộng hơn là phát triển môi trường nhà trường thân thiện, văn minh, cùng hợp tác vì sự phát triển bền vững trong bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay.

- Hướng đến xây dựng phát triển một mô hình “Trường học Hạnh phúc” dựa trên nguyên lý trải nghiệm hạnh phúc của con người: Kết nối với bản thân - Kết nối với người khác.

- Kết nối với thế giới tự nhiên. Theo đó, giáo dục cho học sinh các năng lực: Tự quan tâm, quan tâm đến người khác và quan tâm đến môi trường. - Nội dung xây dựng mô hình trọn đời “Trường học Hạnh phúc” phải được thực hiện thường xuyên, liên tục xuyên suốt trong năm học và các năm học tiếp theo; Mỗi GV, HS phải xác định trách nhiệm của mình trong thực hiện, chủ động, sáng tạo, phối hợp hiệu quả với CBGV trong nhà trường, với PHHS của lớp để thực hiện tốt phong trào.

a.) Chỉ tiêu

- Không có hiện tượng bắt nạt, bạo lực học đường.

- 100% học sinh thực hiện tốt những quy định của nhà trường về nề nếp kỷ luật

- 100% học sinh tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng lực cá nhân.

- 100% học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (về tinh thần, sức khỏe, kinh tế) đều được quan tâm, chia sẻ, động viên và hỗ trợ.

- 100% lớp học sáng, xanh, sạch đẹp, đảm bảo an toàn, không có tai nạn thương tích.

- 100% học sinh đều thích được đến lớp, thích được đi học.

b.) Biện pháp thực hiện:

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu văn nghệ, TDTT, trò chơi dân gian giữa các lớp, các hoạt động giáo dục kỹ năng sống (phòng ngừa và ứng phó với hiện tượng bắt nạt, bạo lực học đường..) để tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh. GV khi học tập và tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức tuyệt đối không để xảy ra tình trạng vi phạm đạo đức nhà giáo và bạo lực học đường.

- Tăng cường công tác tham mưu với cấp trên để cải tạo, tu sửa các phòng làm việc, nhà vệ sinh, thư viện v.v... đảm bảo đạt chuẩn theo quy định và đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.
- Phối hợp với phụ huynh tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục và phát huy mọi nguồn lực để tạo dựng khung cảnh sư phạm xanh- sạch – đẹp, thân thiện và cởi mở.
- Xây dựng bộ quy tắc ứng xử, phổ biến đến toàn thể GV; phối hợp với Tổ Công đoàn tổ chức tốt các chuyên đề về quy tắc ứng xử, đạo đức nhà giáo để duy trì bầu không khí học tập, làm việc âm áp và thân thiện; mọi thành viên trong tổ đều được yêu thương, được tôn trọng, được hiểu, được có giá trị và được đảm bảo an toàn.
- GV thường xuyên sử dụng các biện pháp quản lý, giáo dục kỷ luật tích cực. Chú trọng phát huy vai trò của công tác tư vấn học đường.
- Tạo cơ hội để mỗi học sinh và mỗi thầy cô giáo đều được phát triển tối đa tiềm năng của bản thân, không ai bị bỏ lại, không ai bị lãng quên; tất cả đều thay đổi để phù hợp và tiến bộ.

Trên đây là kế hoạch giáo dục của tổ tự nhiên, năm học 2023-2024.

Điện Quang, ngày 4 tháng 9 năm 2023

PHÓ TỔ TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Hồng Đẹp

Huỳnh Thị Chân Thi